

VÕ PHIẾN

**BỂ DẦU
TRONG TIẾNG NÓI**



Bể dâu trong tiếng nói

Võ Phiến

bể dâu trong tiếng nói

Võ Phiến

Bìa: *M.C.P*

Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn*

bể dâu trong tiếng nói

VÕ PHIẾN

**Tuần báo NGHỆ THUẬT
số 22 * 12-19/3/1966**

Trên nhật báo Tiền Tuyến có một lần Thợ Đấu “thuổng” một số lối nói mới của tạp chí Lý Tưởng (của Không quân) đăng lại cho độc giả xem chơi. Việc làm thật đáng công. Lối nói ấy đại khái thế này:

– Bạn rước đèn đều đều với em, vậy chừng nào bạn cưới em đấy?

– Ít khi cưới lắm.

– Bar Le Cochon có em thơm quá, mình là người Giao chỉ, em chê quá.

– Thằng ấy lố lăng trông đến ghét. Nặng về phần trình diễn thật.

– Nào, đi một đường cho đẹp mắt coi, ngượng gì nữa.

– Hẹn tám giờ mà chín giờ mới đến. Lèo.

Cái giới những tay phong lưu, sống hào hoa phóng túng hơn thiên hạ một chút, thời nào cũng có ít nhiều đặc điểm bay bướm trong ngôn ngữ. Nhưng thời này thì ngôn ngữ của họ phung phí quá lắm. Mà không riêng gì một giới này. Để ý mà xem, trên mặt báo chương trong chỗ chợ búa, quán xá, trong đám thợ thuyền phu phen v.v... ở đâu ta cũng có thể nhặt được những danh từ mới, những cách nói mới.

Tiếng nói của chúng ta trong vài mươi năm gần đây hóa là có nhiều biến cải. Người ta đã nói đi nói lại rất nhiều về hai mươi năm đáng thương vừa qua của

dân tộc: nào là thay đổi chính thể luôn luôn, nào là giặc giã liên miên không ngừng, nào là mất mát niềm tin, điêu tàn ly hương v.v... Nếu trong một thời mà cuộc sống của tập thể bị xáo trộn sâu xa như vậy đáng nói có phản ánh một phần nào những biểu hiện ấy thì cũng là sự thường. Nhưng vẫn là một điều đáng xem xét, theo dõi, phân tích.

Tiếng nói sinh ra để đáp ứng những nhu cầu công việc, gần đây phạm vi hoạt động của chúng ta mở rộng ra rất nhiều. Tiếng nói phục vụ sự suy tưởng của con người; gần đây hoàn cảnh đã đặt ra thêm nhiều vấn đề để suy nghĩ mà chúng ta cũng được tiếp xúc thêm với nhiều hệ thống tư tưởng mới. Tiếng nói dùng thể hiện tâm tình; mà tâm tình của dân tộc thì chắc chắn không có lúc nào ngốn ngang hơn từ hồi đệ nhị thế chiến

tới nay. Cho nên giá có ai tìm tòi kỹ về những đổi thay trong ngôn ngữ, chắc sẽ giúp ta hiểu thêm về nhiều phương diện sinh hoạt cùng những nổi truan chuyên của dân tộc.

✱

Kể ra, về sự đổi thay, không phải chỉ có lối nói của dân mình là đổi thay nhiều trong thời gian vài mươi năm nay.

Ai nấy đều biết tiếng nói là cái gì sống động, luôn luôn biến đổi qua các thời đại. Xưa nay vẫn vậy. Nhưng trước kia, sự biến đổi chậm chạp một đôi thế kỷ chỉ ghi nhận chút ít đổi mới. Bây giờ thì bất cứ ở địa hạt nào, nhịp tiến hóa cũng tăng nhanh gấp năm gấp mười, cho nên sự đổi thay hiện rõ dưới mắt mọi người.

Hồi trước, thơ văn đời Trần so với đời Nguyễn khác nhau không bao nhiêu. Sau nay từ cái giọng nghiêm chỉnh, trịnh trọng, bóng bảy của Phạm Quỳnh, đến cái giản dị của Tự lực văn đoàn đã cách biệt xa lắc; lại so câu văn viết báo của Hoàng tích Chu được coi như tận kỳ một thời, thì câu văn ngày nay quá hẳn biết bao.

Trong cái đà biến đổi dồn dập, gấp rút của thời buổi bây giờ, nhiều sự đáng tiếc đã xảy ra. Có lẽ ở đâu cũng vậy. Maurice Genevoix một hôm có dịp tiếp chuyện một người Nga miền Géorgie. Đó là một người trí thức, đã sống nhiều năm trên đất Pháp, ông ta nói tiếng Pháp trôi chảy, đúng giọng, đúng ngữ pháp, và dùng chữ chính xác đến nỗi rốt cuộc chính cái tài xử dụng tiếng Pháp ấy đã nhắc cho nhà văn trong Hàn lâm viện Pháp quốc

nhớ rằng kẻ đối thoại với mình là một người ngoại quốc. Chỉ có một ngoại kiều mới nói đúng tiếng Pháp như vậy, chứ còn người Pháp thì tât nói ầu nói sai. Hoặc người ta đọc bậy: match thì đọc la matcheu, parc đọc parque; hoặc người ta nói bậy: prévoir d'avance, commémorer un anniversaire; hoặc người ta dùng lộn xộn, lẫn lộn tiếng nọ với tiếng kia đáng lẽ la tribunal thì gọi instance, đáng lẽ la conseil thì gọi comité; hoặc dịch liễu tiếng ngoại quốc bất chấp mẹo luật Pháp ngữ: le vêtement prêt à porter; hoặc câu văn Pháp xen lộn trong nước ngoài: Tout pressing a la page doit avoir un lav express.

Những chuyện như vậy cũng đang xảy ra trong ngôn ngữ chúng ta. Hai ông Nguyễn Hiến Lê và Trương Văn Chính, tác giả cuốn Ngữ Pháp Việt Nam, đã nêu

lên trường hợp những tấm bảng sơn chữ rất to viết: Mỗ xe hơi công ty (thay vì: công ty xe hơi Mỗ), và trường hợp những câu văn ngớ ngẩn như: bất cứ thứ ngôn ngữ nào cũng được nói hết lịch sử của nó bởi người dân không biết đọc biết viết.

Hai ông nhận thấy cái tệ nói sai này lại chỉ lưu hành ở giới có học nơi thành thị. Trong hạng bình dân, nhất là hạng bình dân ở thôn quê, tiếng nói dân tộc không bị vắn vẹo. Nhận định này phù hợp với những người than phiền thường nghe về lỗi văn nhật trình, về văn chương cải lương v.v... Có thể những cái này là đầu mối của sự hư hỏng. Kể trí thức xưa kia có lời phát biểu trau chuốt thận trọng của trí thức, người bình dân xưa kia có lối ăn nói hồn nhiên của người bình dân. Nhưng cuộc sống sôi nổi tại đô thị và tình hình phát triển của văn hóa ngày

nay đưa quảng đại quần chúng tham dự vào hoạt động văn hóa và lôi các nhà trí thức xuống đường bắt họ làm việc cho đại chúng. Chị bán hàng rong, anh phu xe, em bé đánh giày v. v... bây giờ đều biết chữ, đều đọc báo, xem truyện, xem hát, nghe ra-dô. Và kẻ sĩ, nhiều loại sĩ, phải vội vã đặt tuồng, đặt truyện, soạn ca nhạc, để thỏa mãn sự đòi hỏi ấy. Cái quần chúng tiêu thụ sản phẩm văn nghệ mỗi ngày mỗi lớn lên nhanh chóng, chẳng mấy chốc đã trở thành mênh mông. Để kịp cung ứng cho sự đòi hỏi lớn lao và của một khách hàng tương đối dễ dãi, kẻ trí thức dần dần mất đi sự thận trọng. Trong cái sinh hoạt văn hóa đông đảo, náo nhiệt, lắm lúc “loạn xà ngẫu”, làm gì chẳng có những buông lỏng khiếm khuyết. Trách rằng tuồng cải lương không có giá trị văn chương bằng tuồng hát bộ là đúng, nhưng tác phẩm một đời cụ Đào

Tấn được mấy, trong khi một soạn giả cải lương bây giờ phải bận việc tới tấp, lu bù!

Vả lại trường hợp một nhà nho ngày trước ngồi rung đùi nặn nên bốn câu ba vần với trường hợp sáng tác của một người viết bài đăng nhật báo hay đọc ở đài phát thanh hiện thời khác nhau rất xa. Nhật báo với ra-dô là con đẻ của một nền văn minh mới: ở đây yếu tố thời gian cực kỳ quan trọng, con người lúc nào cũng cảm thấy bị thúc bách, giục giã. Cầm bút là phải luyện cái tài bảy bước thành thơ của Tào Thục

Như vậy sự cầu thả trong lời văn, trong cách nói, hồi gần đây ở đô thị, chuyện ấy cũng giống như là sự sụt giá của nền văn nghệ đại chúng hóa vẫn thường được nêu lên. Căng là ở những chỗ văn minh, con số quần chúng có

học càng đông, lại càng có nhiều lầm lỗi trong phạm vi chữ nghĩa, hiện tượng có vẻ nghịch thường mà cũng có lý. Để cho số đông được hưởng thụ, chúng ta phải chịu một vài sự mất mát. Đó là món thuế đóng góp cho sự thăng tiến của đại chúng. Nhà ngữ pháp học có thể buồn chút xíu, nhưng các nhà đạo đức, các nhà chính trị đều vui.

*

Đã trót đem những lỗi ngữ pháp mà liên hệ với một nền văn minh, thì phải nhận rằng người dân quê gần như đứng ngoài cuộc. Về những gì đã xảy đến cho tiếng nói dân tộc gần đây, họ ít công và ít tội. Lỗi văn minh mới xuất lộ và tung hoành ở đô thị, chứ ít ảnh hưởng tới cuộc sống thôn quê.

Thuở xưa người nông dân đã có thời lừng lẫy của mình. Khi ấy họ có công lớn đối với ngôn ngữ, văn chương, nghệ thuật. Nền văn học ta đã bắt đầu bằng những câu hát câu hò góp nhặt được của người dân quê. Trong ca dao của ta cũng như trong Kinh Thi của Tàu, cảnh là cảnh quê, lời là lời quê, nông dân đã xử dụng đầu tiên, đã uốn nắn, trau chuốt tiếng nói của dân tộc.

Nhưng thời đó qua rồi. Thế kỷ 20 đối với thế kỷ 19 đã xa cách rồi, hướng hồ đối với các thời trước. Văn chương bây giờ ít đề cập đến thôn quê. Bây giờ ít ai viết chuyện Ao ma (La mare au diable) với Cô bé Fadette (La petite Fadette) nữa. Người nông dân lánh mặt khỏi các tác phẩm văn nghệ, lẽ dĩ nhiên tình cảm và ngôn ngữ của họ cũng dần dà bị thay thế.

Ngay ở xứ ta, nông dân còn chiếm đa số, nông nghiệp còn giữ vai trò kinh tế quan trọng, nhưng đề tài của phần lớn tác phẩm hậu chiến, của văn nghệ gọi là hôm nay cũng thường là lấy ở cuộc sống đô thị. Những chuyện tình được số nhiều độc giả bây giờ ham đọc là những truyện yêu nhau ở phòng trà, quán kem, chứ không phải những sự tích tình tự dưới bóng hoàng lan, bên rặng tre già. dưới giàn trầu không v.v... Ngôn ngữ ái tình không còn là:

Trèo lên cây bưởi hái hoa

Bước xuống vườn cà...

nữa. Bây giờ phải xài thứ tiếng nói khác;

“Bar Le Cochon có em thơm quá...”

Điều đáng chú ý là những sáng kiến ngôn ngữ kiểu ấy được phổ biến rất

nhanh, lan tràn rộng. chẳng mấy chốc xâm nhập vào cuộc sống khắp nơi. Chữ em, dùng theo lối riêng, bây giờ thông dụng quá rồi. Chữ sức mấy vừa ra đời đột ngột, được truyền đi lạ như điện. Lối nói của những nhân vật của Hoàng Hải Thủy, Văn Quang v. v... đã vượt ra ngoài cái giới chơi bời. Trong xã hội có sẵn hoàn cảnh thuận lợi cho sự phổ biến, gần như có cả một không khí đón đợi, chực thu hút lấy những sáng kiến như thế.

Dĩ nhiên xã hội không gồm toàn thị dân, càng không gồm toàn hạng người ăn chơi tán tỉnh, nhưng ta đã thấy xã hội vui lòng chấp nhận họ, có vẻ có cảm tình với họ. Người tình điển hình hôm nay không lỏng buông tay khẩu trong tiết thanh minh, không làm chủ đồn điền thái ấp, không sâu mộng lên đời thối sáo

v.v... người diễn hình đã thành một người đô thị sành sỏi, đập phá, đang điểm một chút, bệ bối mà thông minh láu lỉnh. Con người đô thị ấy đang làm chủ động trên sân khấu; nếp sinh hoạt, lối yêu đương, kiểu ăn nói của người ấy đang được chú ý, đang gây ảnh hưởng, tiếng nói dân tộc sẽ biến cải đi, tốt hay xấu một phần do người ấy. Người ấy đang nhận lãnh cái sứ mệnh văn nghệ từ hàng nông dân “đem qua tát nước đầu đình” trao lại. Ca dao, tục ngữ đã ghi lại nếp sống tinh thần và vật chất của người dân quê ngày trước, thì những lối nói mới sẽ phản ánh vào trong ngôn ngữ cái hình ảnh, cái phong độ của con người đô thị.

Các nhà nghiên cứu văn học đã hết lời ca ngợi công lao của nông dân Việt Nam: nào là “mức ánh trăng vàng đổ đi” tuyệt đẹp, nào là người dân quê thi sĩ, đa

tình mà lại thực tế, nào là người dân quê luyện cho tiếng Việt thuần thực v. v... Bây giờ có lẽ còn quá sớm để chúng ta có thể tán tụng về con người đô thị. Tuy nhiên, nhân nêu lên mấy lỗi nói riêng thịnh hành hồi gần đây của một hạng người ở đô thị, tưởng có thể để ý đến phong thái của họ biểu lộ ở lỗi nói ấy. Cái phong thái đang được truyền vào ngôn ngữ chung của nước nhà.

Điểm nổi bật ở đây là tính chất hài hước tế nhị. Xem qua một loạt những danh từ, những cách nói mới, do Thợ Đấu lượm lặt cũng như trong các phóng sự hay truyện của Hoàng Hải Thủy, Văn Quang v.v. chúng ta tưởng tượng đối diện với những con người lúc nào cũng sẵn sàng giễu cợt, và họ biết giễu cợt, giễu cợt có duyên, tinh quái. Phải nhận rằng

như thế đã có một chút gì được thêm vào nếp sống tinh thần của người dân Việt.

Trong các thế kỷ trước, chúng ta nghiêm trang quá. Trong văn học Việt Nam từ thế kỷ thứ 19 trở về trước khó tìm thấy những tác phẩm có giọng hài hước. Bằng những câu đối ngắn, các nhà nào có kích bác châm chọc nhau, nhưng trò ấy có vẻ cay độc. Bằng các truyện tiểu lâm, người bình dân chọc cười nhau, nhưng lối pha trò ấy nhiều khi tục tằn vì nặng nề, không bay bướm. Thơ Hồ Xuân Hương mà để cười ư! Cả Tú Xương nữa, cái xuất sắc của người cũng không phải ở chỗ trào lộng. Không có ở đâu trong kho tàng văn học cũ của ta mà bắt gặp được nụ cười ý nhị như trong văn Alphonse Daudet chẳng hạn. Trên sân khấu là nơi tất nhiên phải có trò vui thì cũng không xuất hiện được một Molière, Theo Đoàn

Hồng, trong cuốn Nghệ thuật hát bộ, chỉ có những tuồng bi hùng là được biên soạn công phu, còn phần tuồng khôi hài thì thực nghèo nàn và thấp kém.

Có cái gì đè nặng trên tâm hồn người dân Việt các thế kỷ trước mà khiến chúng ta không nở được một nụ cười nhẹ nhàng khoan khoái, cười mà không vì giải thoát những ám ảnh dục tình, không vì cay cú thời thế, nhân tình? Và tại sao giữa lúc này, nước nhà phân ly điêu đứng, giặc giã giết chóc tứ bề, dân tộc khốn đốn về vật chất, não nề về tinh thần, giữa lúc này lại thản nhiên nở ra một nụ cười như bất cần, như coi thường mọi sự?

Cổ nhiên không phải thanh niên ta chờ tới nay mới biết nghịch ngợm. Trên những tờ Nam Phong, Đông Dương v. v.. không khí văn chương “trang trọng khác vời”, nhưng đến Phong Hóa, Ngày

Nay, thì người ta đã đùa nghịch rồi. Tuy vậy, cái tinh nghịch thịnh hành lúc này trong ngôn ngữ vẫn đáng suy nghĩ phải chăng đó là một đặc điểm của nếp sống đô thị? Phải chăng là ảnh hưởng của một trào lưu tư tưởng phóng dăng? Hay là cái phản ứng cần thiết để lập lại quân bình trong tâm hồn chúng ta vào một giai đoạn khó khăn của thời cuộc?

*

Một lối nói tương tự đã đành là không xuất hiện ở thôn quê. Mà hình như nó cũng không xuất hiện được ở đâu cả suốt miền Bắc Việt. Trên báo chí trong các sáng tác phẩm ngoài Bắc không tìm thấy một dấu hiệu gì có sự chuyển biến trong tiếng nói theo cái chiều hướng vừa thấy ở đây.

Như vậy là phải. Trong lối nói... “có em thơm quá” hiển hiện một tinh thần hưởng lạc, một phong cách bay bướm, một khiếu bông đùa tinh tế; lối nói ấy vẽ ra cái hình dáng của người tiểu tư sản có học, hạng người không được trọng vọng, đang phải vùi đầu giấu mặt đi ở Bắc Việt. Thân phận của người đó gặp khốn đốn ở ngoài Bắc, làm sao họ có hoàn cảnh phát huy bản sắc?

Như vậy tung hoành tại Bắc Việt là mẫu người như thế nào? Là ai? Theo Trần lê Văn (Giai phẩm mùa Thu tập 1) thì ấy là anh chàng vốn tên Nguyễn vinh Hoa, sau đã cải danh thành Lê hùng Tiến. Theo Như Mai (Tổ Quốc số 41) thì ấy là Nghiêm văn Túc, trưởng ban nội qui nông trường tập thể Con Ến.

Những nhân vật vừa kể không bông đùa, không dám cười, không biết cười.

Lê Hùng Tiến được mô tả như thế này: Người anh khô đét lại, thẳng đờ như một cái áo quan, mắt chỉ biết trợn chứ không biết nhìn, mặt tái đi vì luôn luôn giận dữ với các loại khuyết điểm trên đời, hai hàm răng xít lại, dầu có cạy cũng chẳng ra một nụ cười.

Chúng ta không nên xem nhẹ câu bông lơn của Trần Lê Văn, ông ta nói một sự thực: để ý mà coi, óc khôi hài càng ngày càng tịt đi ngoài Bắc. Chính quyền ngoài đó cố gắng gây ra trong xã hội một không khí sinh hoạt vui tươi trẻ trung, cố gắng thúc đẩy giới văn nghệ dùng châm biếm làm phương tiện tấn công tuyên truyền nhưng nụ cười càng ngày càng lạt lẽo. Suốt mười mấy năm trời chỉ có một độ mấy tháng là nghe được những câu pha trò ý nhị: đó là thời kỳ nhóm Nhân Văn chế giễu giới lãnh đạo Bắc Việt.

Có những người vốn nổi tiếng nhờ tài trào phúng, như Tú Mỡ, mà sống dưới chế độ ngoài ấy ít lâu rồi giọng giễu cợt cũng gượng gạo vô duyên thế nào.

Tờ Văn Nghệ ở Hà Nội, trang chót, kỳ nào cũng dành một mục đăng cái món gọi là “Chuyện vui đả Mỹ”. Thường đó là một bài thơ, rất ít vui. Có khi Ông Lã Vọng sáng tác thế này:

Sư đoàn bộ binh Mỹ số một

Được quảng cáo (đúng kiểu ngáo ộp)

Là thiện chiến đệ nhất trên đời,

Là can đảm yêng hùng có chóp. (số 138)

Có khi Ông Lã Vọng dịch tác phẩm Trung quốc:

Bay trên trời

Rơi xuống đất chết;

Đổ dưới đất,

Nổ tung lên trời!

Ưu thế trên không » Mỹ

Tong rồi! ...

(số 134)

Lời thơ cũng như đề mục cùng một vẻ thực thà ngây ngô, không có một tí gì cái chất ranh mãnh cần thiết.

Cho hay chỉ bao giờ có không khí cởi mở, có sự chống đối, chỉ trích, châm biếm bài bác tự do, năng khiếu hài hước mới phát triển, ngôn ngữ hài hước mới được mài dũa, con người mới hóa ra lanh lợi tinh quái.

Thoạt tiên phân chia vì tư tưởng, vì chủ nghĩa, ai ngờ Bắc Nam dần dần khác biệt nhau cho đến cả nụ cười. Sự khác biệt ấy đã in dấu trong kho tàng ngôn ngữ của dân tộc,

Đó là nếp sống tình cảm. Nhưng dù tính tình, phong thái của Nghiêm văn Túc thế nào, thì giữa anh ta với những người Việt miền Nam vẫn có chỗ này giống nhau: là trong khoảng vài mươi năm nay phải vất vả thật nhiều vì công việc bề bộn và vì những vấn đề tư tưởng nọ, chủ nghĩa kia v.v... Thế cho nên ở cái phần có liên hệ đến công tác và đến sự suy tưởng thì tiếng nói cả hai bên đều có nhiều tăng gia và biến đổi. Ngoài Bắc thì bắt rẽ, xâu chuỗi, bước nhảy vọt, chém vè, nước anh em v.v... Trong Nam thì tam thức tam giác, đoàn thiện chí, hội liên đới, sự hiện hữu v.v... Nhiều tiếng

đành là tiếng cũ xưa nay, nhưng bây giờ nó gây một ấn tượng mới day dứt, buồn nôn... Có những cách nói lạ tại hản: chữ làm tốt trước đây vẫn dùng với nghĩa làm đom làm dáng; từ khi có khẩu hiệu thi đua làm tốt làm nhanh, nó có nghĩa làm cho tốt.

*

Thôn quê trước kia là nguồn gốc của văn chương, là lò trau luyện tiếng nói, bây giờ tiếng nói của đô thị lại phong phú hơn, sinh động hơn; ngôn ngữ nghề nghiệp của nhà nông, của dân chài chẳng hạn, trước kia dồi dào là thế, lan tràn trên tục ngữ phong dao, bây giờ ngôn ngữ chính trị lại đến lúc phổ biến rộng rãi, phát triển nhanh, và ngôn ngữ cao thâm của triết học cũng làm le xuống

đường. Tiếng nói phản ảnh sinh hoạt xã hội; tùy từng thời kỳ, cứ hể ở khu vực nào mà cuộc sống sôi động lên thì tiếng nói ở đó cũng được tiếp thêm sinh lực, ở nơi nào cuộc sống lắng dịu, cầm chừng thì tiếng nói cũng ngưng phát triển. Tiếng nói, nó không thích mấy những chỗ thư phòng vắng lặng của các viện Hàn Lâm; nó lại lớn lên trong khung cảnh hoạt động hỗn tạp náo nhiệt, trong cảnh rộn ràng gấp rút, cho nên càng lớn nhanh nó càng mang nhiều khuyết điểm dấu tích của hoàn cảnh trưởng thành của mình. Cuộc sống chen lấn, xô bồ, chụp giựt, vắn hay xô đẩy, dày vò tiếng nói, làm cho nó sai lệch đi. Nhưng đã yêu mến cuộc sống nồng nàn, ta yêu luôn cái phản ảnh của nó trong tiếng nói.

Bởi vậy có hai cái yêu ngôn ngữ nước nhà. Có cách yêu cái tính chất tinh

thuần, cái dáng chải chuốt đẹp đẽ của nó, như ông hàn làm Maurice Genevoix yêu tiếng Pháp do một người trí thức ở Géorgie nói ra. Lại có cách yêu như Robert Pinget yêu thứ khẩu ngữ bình dân ở các quán cóc, tiệm chạp phô v.v... thứ tiếng nói của những cuộc đấu hót tung bùng và vong mạng. Robert Pinget, nhà văn được giải Femina năm nay, không phải yêu mến một cách hời hợt; phải nói là ông ta si, ông mê. ông ghiền cái tiếng nói ấy đến độ ngày nào ông cũng la cà nghe ngóng, đến độ ông không thể xuất ngoại sống xa nước Pháp, tại ông không thể vắng cái tiếng nói thân thuộc nọ được.

Sự si mê của R. Pinget, không phải mỗi người trong chúng ta đều có, nhưng thiết nghĩ ai cũng có thể cảm thông với nó. Riêng tôi, bất cứ gặp đâu đó trong

tác phẩm văn chương những lối nói đột ngột, không trau chuốt, mang thẳng từ khẩu ngữ vào, bao giờ vẫn lấy làm thích thú:

... “Người đàn bà móc túi áo bà ba lôi ra một chiếc thuốc cong queo. Nàng đưa lên chưa tới miệng, bỏ xuống và kêu ông già:

Tôi cái lửa anh Năm (Viên Linh
Người ngồi xe thổ mộ)

« Một hòn gạch ném vụt vào đầu Hiệp. Chàng trợn mắt quay lại. Hai tên ma cô ban nãy nhìn anh nhâng nháo:

– Đ.m. mới ma cô tập sự thôi.

– Từ từ chớ bạn (Viên Linh– Cảnh tượng hôm nay)

Một người tài xế kêu:

– Thôi dọt.

Một người đàn bà trong giới làm ăn triết lý:

– Lâu lâu du dương cho đời bớt rầu chó.

Trong trang sách gặp một tiếng nói như thế, bỗng nghĩ đến cuộc sống ở những bến xe, gầm cầu, chợ búa, đến cả một cuộc sống mạnh mẽ ác liệt. Như tình cờ nhặt được một mình vỏ sò; một nang mực khô dạt vào bờ mà mơ tưởng đến trùng dương xa khơi, đến bể cả mênh mông.

Những lối nói ấy mang những lỗi lầm ngữ pháp? Nghe có vẻ lố lảng, khắp khênh? Mặc kệ, nó vẫn quyến rũ, vì nó nhắc gợi đến cuộc sống đang diễn ra quanh mình, nó đánh thức nơi mỗi

chúng ta cái liên hệ thâm kín đối với xã hội hiện tại, cái hấp lực ma quái buộc liên mỗi người vào thời đại mình đang sống, vào những vui buồn, vào cả những nét xấu, những lối lằng, si mê, cuồng dại v v... của thời đại. Kiểu áo xiêm công chúa bày trong Viện Bảo Tàng là đẹp, nhưng con mắt đời nay vẫn khoái thích thú đồ din cũn cốn. Nhà ngữ học trong phim My Fair Lady hành hạ cô gái nghèo nọ chán chê để bắt cô ta luyện giọng, trau dồi lối nói, rồi cuộc trở về mở băng ghi âm nghe lại cái giọng sai be sai bét. cái giọng “ám sát Anh ngữ”, ông ta đã bị cuộc sống có bản sắc trả thù đích đáng.

